

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 105/2017/WSB

Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2017

(Về việc công bố thông tin  
Báo cáo tài chính của Công ty mẹ  
đã kiểm toán năm 2016)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 0710 3 843 333 Fax: 0710 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ


**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2016 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /s/

Nơi nhận:   
- Như trên;  
- Lưu HC.



*Lê Đăng Khoa*

# Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



**EY**

Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính riêng	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 33

# Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất số 1800586579 vào ngày 14 tháng 9 năm 2016.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Vê	Thành viên	
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Công Tước	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017
Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Nam	từ ngày 14 tháng 9 năm 2016
Ông Phạm Đình Hùng	trước ngày 14 tháng 9 năm 2016

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61283610/18741213

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 20 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2016.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>159.371.557.036</b>	<b>129.560.662.483</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.257.019.639</b>	<b>565.203.390</b>
111	1. Tiền		1.257.019.639	565.203.390
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>126.873.716.408</b>	<b>96.673.626.709</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	13.068.609.266	19.052.201.053
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.497.466.508	1.330.811.483
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	112.307.640.634	76.938.614.173
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.2	-	(648.000.000)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>30.705.236.354</b>	<b>31.789.168.761</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	30.705.236.354	31.789.168.761
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>535.584.635</b>	<b>532.663.623</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		535.584.635	532.663.623
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>435.379.305.980</b>	<b>538.021.481.891</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.000.000</b>	<b>66.017.273.707</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	3.000.000	66.017.273.707
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>343.915.700.437</b>	<b>376.377.266.543</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	343.915.700.437	376.377.266.543
222	Nguyên giá		486.390.323.269	561.786.312.256
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(142.474.622.832)	(185.409.045.713)
227	2. Tài sản vô hình		-	-
228	Nguyên giá		73.881.710	73.881.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.881.710)	(73.881.710)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.715.215.136</b>	<b>255.396.236</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.715.215.136	255.396.236
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>64.255.186.800</b>	<b>64.255.186.800</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		45.000.000.000	45.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.000.000.000	7.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.255.186.800	12.255.186.800
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>25.490.203.607</b>	<b>31.116.358.605</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	25.490.203.607	28.538.775.229
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	2.577.583.376
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>594.750.863.016</b>	<b>667.582.144.374</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>167.457.766.703</b>	<b>269.205.972.058</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>167.425.766.703</b>	<b>209.173.972.058</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	17.024.149.841	30.998.319.551
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.625.800	35.623.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	39.062.029.378	27.102.125.812
314	4. Phải trả người lao động		5.721.282.277	7.675.300.981
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.627.075.871	2.814.535.436
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	5.779.838.227	5.206.745.815
320	7. Vay ngắn hạn	16	87.586.021.532	123.627.509.115
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.610.743.777	11.713.811.648
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>32.000.000</b>	<b>60.032.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		32.000.000	32.000.000
338	2. Vay dài hạn	16	-	60.000.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>427.293.096.313</b>	<b>398.376.172.316</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>427.293.096.313</b>	<b>398.376.172.316</b>
411	1. Vốn cổ phần		145.000.000.000	145.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		145.000.000.000	145.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		176.816.640.972	176.896.401.261
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.476.455.341	76.479.771.055
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (lũy kế) đến cuối năm trước		31.392.912.018	(10.624.866.991)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		74.083.543.323	87.104.638.046
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>694.750.863.016</b>	<b>667.582.144.374</b>




Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập biểu



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



  
Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	348.267.945.970	372.813.920.481
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(268.642.007.220)	(299.816.392.807)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.625.938.750	72.997.527.674
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	53.724.816.149	73.968.964.026
22	5. Chi phí tài chính	20	(8.637.318.517)	(10.242.123.845)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(8.637.318.517)	(9.501.079.984)
25	6. Chi phí bán hàng	21	(4.001.599.909)	(53.751.703)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(26.256.528.443)	(23.364.799.031)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		94.455.308.030	113.305.817.121
31	9. Thu nhập khác	22	19.326.166.342	730.094.644
32	10. Chi phí khác	22	(4.051.868.223)	(214.032.726)
40	11. Lợi nhuận khác	22	15.274.298.119	516.061.918
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.729.606.149	113.821.879.039
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(10.847.357.026)	(8.300.946.909)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		98.882.249.123	105.520.932.130

Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập biểu

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>109.729.606.149</b>	<b>113.821.879.039</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8	34.983.518.362	42.115.389.786
03	Hoàn nhập dự phòng		(648.000.000)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(72.937.556.141)	(71.070.010.806)
06	Chi phí lãi vay	20	8.637.318.517	9.501.079.984
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>79.764.886.887</b>	<b>94.368.338.003</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		83.120.934.311	(41.281.879.001)
10	Giảm hàng tồn kho		1.083.932.407	21.303.677.106
11	Giảm các khoản phải trả		(13.144.097.680)	(56.502.914.769)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.045.650.610	(5.241.398.156)
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.867.134.737)	(9.785.746.397)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(13.031.461.562)	(11.439.520.834)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.769.687.197)	(8.798.851.129)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>129.203.023.039</b>	<b>(17.378.295.177)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(22.934.960.831)	(37.431.486.415)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		38.177.340.162	127.881.952
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.400.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia		9.632.238.727	7.508.073.215
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>24.874.618.058</b>	<b>(22.395.531.248)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	16	386.775.117.706	80.627.509.115
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(482.816.605.289)	(33.858.329.190)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	17.4	(57.344.337.265)	(46.052.158.525)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		<b>(153.385.824.848)</b>	<b>717.021.400</b>
50	Lưu chuyển tiền trong năm		<b>691.816.249</b>	<b>(39.056.805.025)</b>
60	Tiền đầu năm		<b>565.203.390</b>	<b>39.622.008.415</b>
70	Tiền cuối năm	4	<b>1.257.019.639</b>	<b>565.203.390</b>

Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập biểu

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất số 1800586579 vào ngày 14 tháng 9 năm 2016.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của công ty là 1 năm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 145 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 204).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 1 công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1 của báo cáo tài chính riêng.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 20 tháng 3 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu                                    | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 38 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Một Thành viên xây dựng Hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ trong thời hạn từ 10 năm đến 32 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Theo hướng dẫn tại Công văn số 7228/BTC-TCĐN do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2010, trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi thực tế phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	23.261.100	87.163.100
Tiền gửi ngân hàng	1.233.758.539	478.040.290
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.257.019.639</b>	<b>565.203.390</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	<u>13.068.609.266</u>	<u>19.052.201.053</u>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	618.181.818	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Vũ	233.929.080	-
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Môi Trường Việt An	205.909.090	-
Trả trước khác	<u>439.446.520</u>	<u>1.330.811.483</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.497.466.508</b>	<b>1.330.811.483</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(648.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.497.466.508</b>	<b>682.811.483</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	112.097.440.634	2.002.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	201.200.000	240.393.839
Ký quỹ, ký cược	9.000.000	5.000.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt chi hộ	-	74.681.690.709
Khác	-	9.529.625
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.307.640.634</b>	<b>76.938.614.173</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn bên khác</i>	210.200.000	254.923.464
<i>Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<u>112.097.440.634</u>	<u>76.683.690.709</u>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Cổ tức phải thu	-	66.014.273.707
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.000.000</b>	<b>66.017.273.707</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn bên khác</i>	3.000.000	3.000.000
<i>Phải thu dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	66.014.273.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.911.125.945	8.589.399.474
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	7.431.616.635	10.350.840.003
Thành phẩm	6.645.189.713	7.685.801.291
Công cụ, dụng cụ	6.304.449.334	4.567.064.493
Hàng hóa	412.854.727	7.000.000
Hàng mua đang đi trên đường	-	589.063.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.705.236.354</u></b>	<b><u>31.789.168.761</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	76.072.437.681	470.207.745.905	8.038.946.848	7.467.181.822	561.786.312.256
Mua trong năm	5.153.217.906	13.030.821.571	2.140.821.091	1.150.281.363	21.475.141.931
Thanh lý	(13.845.086.835)	(80.634.916.866)	(713.451.739)	(1.677.675.478)	(96.871.130.918)
Số cuối năm	67.380.568.752	402.603.650.610	9.466.316.200	6.939.787.707	486.390.323.269
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	4.719.520.026	37.167.794.064	3.286.952.294	2.528.816.325	47.703.082.709
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(21.582.452.922)	(152.692.356.756)	(6.197.686.049)	(4.936.549.986)	(185.409.045.713)
Khấu hao trong năm	(3.378.095.782)	(30.357.198.917)	(726.898.332)	(521.325.331)	(34.983.518.362)
Thanh lý	8.494.548.111	67.292.301.574	713.451.739	1.417.639.819	77.917.941.243
Số cuối năm	(16.466.000.593)	(115.757.254.099)	(6.211.132.642)	(4.040.235.498)	(142.474.622.832)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	54.489.984.759	317.515.389.149	1.841.260.799	2.530.631.836	376.377.266.543
Số cuối năm	50.914.568.159	286.846.396.511	3.255.183.558	2.899.552.209	343.915.700.437
<b>Trong đó:</b>					
Thế chấp (Thuyết minh số 16)	28.845.048.198	246.728.603.650	-	-	275.573.651.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng đường nội bộ công ty	1.242.137.863	-
Khác	<u>473.077.273</u>	<u>255.396.236</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.715.215.136</u></b>	<b><u>255.396.236</u></b>

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 10.1</i> )	45.000.000.000	45.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 10.2</i> )	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 10.3</i> )	<u>12.255.186.800</u>	<u>12.255.186.800</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>64.255.186.800</u></b>	<b><u>64.255.186.800</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**10.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết đầu tư vào công ty con như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	100	45.000.000.000	100	45.000.000.000	Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát

**10.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	20	7.000.000.000	20	7.000.000.000	Tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**10.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	VND		%	VND		%
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	10.100.000.000	1.010.000	9,71	10.100.000.000	1.010.000	9,71
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	2.155.186.800	145.060	1,28	2.155.186.800	145.060	1,28
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.255.186.800</b>			<b>12.255.186.800</b>		

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	13.684.195.612	11.564.322.308
Chai kết luân chuyển	6.946.847.818	9.852.452.456
Công cụ, dụng cụ	1.846.690.447	386.875.018
Khác	3.012.469.730	6.735.125.447
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.490.203.607</b>	<b>28.538.775.229</b>

**12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	10.795.232.217	25.289.444.537
Phải trả cho người bán khác	6.228.917.624	5.708.875.014
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.024.149.841</b>	<b>30.998.319.551</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.177.224.261	308.087.035.408	304.129.424.498	26.134.835.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.549.056.359	10.847.357.026	13.031.461.562	364.951.823
Thuế giá trị gia tăng	1.806.842.533	57.187.362.086	46.924.918.786	12.069.285.833
Thuế thu nhập cá nhân	156.883.026	2.321.840.633	1.985.767.108	492.956.551
Thuế khác	412.119.633	706.148.172	1.118.267.805	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.102.125.812</u></b>	<b><u>379.149.743.325</u></b>	<b><u>367.189.839.759</u></b>	<b><u>39.062.029.378</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.248.670.429	59.400.000
Xây dựng trạm quan trắc	686.363.636	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	692.041.806	2.755.135.436
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.627.075.871</u></b>	<b><u>2.814.535.436</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	5.016.467.808	4.360.805.073
Phải trả khác	763.370.419	845.940.742
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.779.838.227</u></b>	<b><u>5.206.745.815</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	<i>5.518.195.008</i>	<i>4.449.745.815</i>
<i>Phải trả từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>261.643.219</i>	<i>757.000.000</i>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**16. VAY**

	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	Số cuối năm
	Tăng	Giảm		
Vay ngắn hạn				VND
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	386.775.117.706	(379.816.605.289)	87.586.021.532	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	(43.000.000.000)	-	
	<u>386.775.117.706</u>	<u>(422.816.605.289)</u>	<u>87.586.021.532</u>	
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng	-	(60.000.000.000)	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>386.775.117.706</u></b>	<b><u>(482.816.605.289)</u></b>	<b><u>87.586.021.532</u></b>	

**16.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Vay ngắn hạn ngân hàng thể hiện các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Công ty thu thập các khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay này được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	VND
01/2015-HẾTDHM/NHCT908-WSB ngày 25 tháng 5 năm 2015	<u>87.586.021.532</u>	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	Từ 4.3 đến 4.6		Tín chấp

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
<b>Năm trước:</b>				
Số đầu năm	145.000.000.000	172.072.980.283	27.358.114.152	344.431.094.435
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	105.520.932.130	105.520.932.130
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.823.420.978	(4.823.420.978)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(15.325.854.249)	(15.325.854.249)
Cổ tức công bố	-	-	(36.250.000.000)	(36.250.000.000)
Số cuối năm	<b>145.000.000.000</b>	<b>176.896.401.261</b>	<b>76.479.771.055</b>	<b>398.376.172.316</b>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	145.000.000.000	176.896.401.261	76.479.771.055	398.376.172.316
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	98.882.249.123	98.882.249.123
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển	-	(79.760.289)	79.760.289	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(11.965.325.126)	(11.965.325.126)
Cổ tức công bố	-	-	(58.000.000.000)	(58.000.000.000)
Số cuối năm	<b>145.000.000.000</b>	<b>176.816.640.972</b>	<b>105.476.455.341</b>	<b>427.293.096.313</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	73.950.000.000	51	73.950.000.000	51
Cổ đông khác	71.050.000.000	49	71.050.000.000	49
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>100</b>

**17.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>14.500.000</b>	<b>14.500.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b> <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**17.4 Cổ tức**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả đầu năm	4.360.805.073	14.820.602.073
Cổ tức công bố trong năm	58.000.000.000	36.250.000.000
Cổ tức chi bằng tiền	<u>(57.344.337.265)</u>	<u>(46.709.797.000)</u>
<b>Cổ tức chưa chi trả</b>	<b><u>5.016.467.808</u></b>	<b><u>4.360.805.073</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán hàng	332.720.755.462	353.588.298.866
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.230.000.000	1.204.097.455
Doanh thu khác	14.317.190.508	18.021.524.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>348.267.945.970</u></b>	<b><u>372.813.920.481</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	7.393.874.792	8.033.182.529
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	340.874.071.178	364.780.737.952

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	53.685.654.835	73.237.162.004
Khác	39.161.314	731.802.022
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.724.816.149</u></b>	<b><u>73.968.964.026</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng bán	258.115.617.246	286.873.354.841
Giá vốn cung cấp dịch vụ	808.042.055	795.469.628
Giá vốn khác	9.718.347.919	12.147.568.338
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>268.642.007.220</u></b>	<b><u>299.816.392.807</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	8.637.318.517	9.501.079.984
Khác	-	741.043.861
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.637.318.517</u></b>	<b><u>10.242.123.845</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí công tác thị trường	3.973.337.366	-
Các chi phí khác	<u>28.262.543</u>	<u>53.751.703</u>
	<u>4.001.599.909</u>	<u>53.751.703</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương	13.466.526.128	9.847.952.709
Các chi phí khác	<u>12.790.002.315</u>	<u>13.516.846.322</u>
	<u>26.256.528.443</u>	<u>23.364.799.031</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>30.258.128.352</u></b>	<b><u>23.418.550.734</u></b>

**22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	19.224.150.487	285.494.680
Các khoản khác	<u>102.015.855</u>	<u>444.599.964</u>
	<u>19.326.166.342</u>	<u>730.094.644</u>
Chi phí khác		
Chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản cố định	1.771.344.068	211.336.816
Chi phí khác	<u>2.280.524.155</u>	<u>2.695.910</u>
	<u>4.051.868.223</u>	<u>214.032.726</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>15.274.298.119</u></b>	<b><u>516.061.918</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	172.687.713.897	183.590.082.735
Chi phí nhân công	36.161.890.961	40.383.013.047
Chi phí khấu hao	34.185.857.576	44.093.810.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.770.982.592	23.240.877.318
Chi phí khác	<u>21.876.678.008</u>	<u>15.736.536.616</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>288.683.123.034</u></b>	<b><u>307.044.319.858</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty được hưởng mức thuế TNDN ưu đãi 15% trong mười hai (12) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (năm 2005), được miễn ba (3) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo (từ năm 2008) cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>10.847.357.026</u>	<u>8.300.946.909</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>109.729.606.149</u>	<u>113.821.879.039</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	21.945.921.230	25.040.813.389
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	480.280.075	249.091.080
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(10.737.130.967)	(16.112.175.641)
Thuế TNDN được giảm	<u>(841.713.311)</u>	<u>(876.781.919)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>10.847.357.026</u></b>	<b><u>8.300.946.909</u></b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng Mua nguyên vật liệu Cổ tức công bố	332.342.894.362 115.085.227.852 29.580.000.000	17.705.000 115.575.952.512 29.487.500.000
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Doanh thu bán hàng Bán nguyên vật liệu Nhận chuyển lợi nhuận trong năm Bán tài sản cố định	- 8.616.388.452 46.893.333.441 14.225.992.395	11.310.620.753 -
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	2.279.917.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Hậu	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.318.641.000	534.803.560
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ Cổ tức	235.765.591 5.005.000.000	209.012.774 4.404.400.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng Phí vỏ chai Doanh thu bán nguyên vật liệu	88.600.167 2.015.549.777 -	353.452.412.199 2.175.562.855 1.920.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	5.480.238.000	2.339.150.000

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	11.196.554.270	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.842.068.709	386.961.633	
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	-	18.630.218.640	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	19.082.183	23.811.458	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ	10.904.104	11.209.322	
			<b>13.068.609.266</b>	<b>19.052.201.053</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Cổ tức phải thu	112.097.440.633	-	
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế tiêu thụ đặc biệt chi hộ	-	74.681.690.709	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu		Cổ tức phải thu	-	2.002.000.000	
			<b>112.097.440.633</b>	<b>76.683.690.709</b>	

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Lợi nhuận phải thu	-	66.014.273.707	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</b>					
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	9.997.192.692	25.196.585.130	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Trường Sa	Bên liên quan	Mua gạo	659.515.500	-	
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Mua dịch vụ	92.431.825	-	
Công ty Cổ phần rượu Bình Tây	Bên liên quan	Mua dịch vụ	46.092.200	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	-	65.763.107	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	27.096.300	
			<b>10.795.232.217</b>	<b>25.289.444.537</b>	
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 25)</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Công ty con	Chi phí chi hộ	261.643.219	757.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tiền lương, thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thưởng	<u>5.039.123.177</u>	<u>4.787.167.018</u>


**26. THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	247.495.754	244.780.794
Từ 1 đến 5 năm	2.252.144.264	2.227.438.864
Trên 5 năm	<u>5.413.593.195</u>	<u>5.869.170.840</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.913.233.213</u></b>	<b><u>8.341.390.498</u></b>

**27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập biểu



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017